

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-PT
Ngày: 02-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Khánh L, Trần Tấn P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 13-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B T.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Khánh L**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; giới T : N ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N ; tôn giáo: không; con ông: không xác định; con bà: Trần Thị Đ, sinh năm: 1980; vợ: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1999; con: có một người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/12/2019 bị Trưởng Công an huyện Ba Tri xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 182/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã đóng phạt ngày 20/12/2019; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Trần Tấn P** (tên gọi khác: S), sinh năm: 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B Đ, xã A Đ, huyện B T, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; giới T : N ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N ; Tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 01/10/2020 bị Trưởng Công an huyện B T xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 199/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng

về hành vi đánh bạc trái phép, đã đóng phạt ngày 05/10/2020; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 14/3/2022, Trần Văn U , sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp B Đ , xã A Đ, huyện B T , tỉnh Bến Tre, Trần Hoàng Th , sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp G , xã A Đ, huyện B T chơi đá gà ăn thua bằng tiền với nhau với số tiền 1.000.000 đồng tại ấp B Đ , xã A Đ, huyện B T ; kết quả, gà của U thua nên Th kêu U chung tiền thì giữa Th và U xảy ra cự cãi đánh nhau, lúc này Nguyễn Hoàng N , sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp G , xã A Đ (cậu của Th) cũng tham gia cự cãi với U . Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Trần Văn U điện thoại kêu Trần Khánh L , sinh năm 1998 nơi cư trú ấp T , xã B , huyện B T đến chợ A Đ tìm Th thì L đồng ý. L gọi thêm Trần Tấn Ph , sinh năm 2001, nơi cư trú ấp B Đ , xã A Đ thì Ph đồng ý, Ph đang đi chơi với Trần Văn T , sinh năm 2000 nơi cư trú ấp G , xã A Đ thì Ph kêu T chở Ph đi đến chợ A Đ, trên đường đi Ph lấy hung khí rồi kêu T chở xuống chợ A Đ đi công việc. U đi đến chợ A Đ trước tìm Th nhưng không gặp thì gặp Nguyễn Hoàng N . Tại đây, U và N xảy ra cự cãi; lúc này Trần Khánh L đến cũng cự cãi với N, T chở Ph đến chợ A Đ thấy U , L đang cự cãi với N nên Ph xuống xe cầm dao vào cự cãi với N , U thấy Ph cầm dao nên lấy dao của Ph đem lại pô xe của Ph cắt, L chạy đến xe Ph lấy con dao của Ph rượt chém N ; thấy vậy, Ph cũng nhặt lấy con dao chặt dừa ngay đầu chợ cùng rượt chém N . U cũng chạy theo định can ngăn, T thì đứng ngoài không tham gia chém N . Khi L và Ph rượt N vào đến mé ao bên trong đường hẻm gần chợ A Đ thì N té ngã, L xông đến vùng dao chém trúng vào chân N gây thương tích. Ph thấy N đã bị L chém nên không chém thêm nữa. Sau khi gây thương tích T chở Ph về, L đưa dao cho U rồi bỏ về. Nguyễn Hoàng N được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu, điều trị.

Vật chứng thu giữ, chưa xử lý gồm: 01 con dao tự chế cán bằng gỗ dài 22cm, lưỡi dao bằng sắt dài 44cm; 01 con dao có cán bằng gỗ dài 16cm, lưỡi dao bằng sắt dài 28cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 124-422/TgT ngày 29/4/2022, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Nguyễn Hoàng N bị: Vết thương mặt trước cẳng chân phải 20cm x 10cm sắc gọn có nhiều bầm, đất trong vết thương lộ xương gãy ra ngoài, Xquang gãy 1/3 giữa 2 xương cẳng chân phải: 16%, phẫu thuật kết hợp xương chày phải bằng đinh Sign, khâu vết thương, hiện vết thương lành sẹo kích thước 19cm x 0,3cm: 02%. 04 vết mổ lành sẹo kích thước 2,5cm x 0,3cm: 01%, 0,2cm x 0,2cm: 01%, 06cm x 0,2cm: 02%, 04cm x 0,1cm: 01%, nạn nhân còn đi nặng. Vết thương mặt lưng ngón 2 chân trái 02cm x 02cm đứt gân duỗi, dị vật dơ trong vết thương, phẫu thuật khâu phục hồi gân duỗi ngón 2, hiện vết thương lành

sẹo kích thước 03cm x 0,1cm: 01%, ngón 2 gấp duỗi bình thường. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 23%. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc - nhọn gây ra. Con dao theo mô tả trên có thể gây ra thương tích của Nguyễn Hoàng N.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định bổ sung) số 162-622/TgT ngày 10/6/2022, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Nguyễn Hoàng N bị vết thương phần mềm đốt xa ngón 1 chân trái 02cm x 01cm đã lành sẹo kích thước 2,5cm x 0,1cm: 01%. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc - nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích qua 2 lần giám định là 23%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện B T , tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Khánh L , Trần Tấn P phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Khánh L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tấn P 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 17/02/2023, bị cáo Trần Khánh L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù;

Ngày 17/02/2023, bị cáo Trần Tấn P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Khánh L , Trần Tấn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Khánh L , Trần Tấn P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn

cứ. Xét mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng. Bị cáo Ph phạm tội có T chất côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Khánh L, Trần Tấn P giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Khánh L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tấn P 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo L mong tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Ph yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Vào khoảng 15 giờ ngày 14/3/2022 tại ấp G, xã A Đ, huyện B T, tỉnh Bến Tre. Trần Khánh L và Trần Tấn P đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém Nguyễn Hoàng N gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%. Giữa các bị cáo và bị hại Nguyễn Hoàng N không mâu thuẫn gì nhau (bị cáo L cho rằng nghĩ N đã gây sự đánh nhau với Trần Văn U nên tự rượt đuổi và chém N / BL 143), các bị cáo đi tìm người khác lại cự cãi và tấn công N, cùng nhau dùng hung khí (trong đó L lấy con dao do Ph mang đến rượt chém N; Ph cũng nhặt lấy con dao chặt dừa gần đó cùng đuổi theo N. Ph cho rằng việc L dùng dao tấn công N là đúng ý định của Ph /BL 195-196; do thấy L đuổi theo N, sợ L bị tấn công nên nhặt dao cản theo/ BL 191), phù hợp với lời khai của bị cáo Ph tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý hành vi L chém N và cùng chịu trách nhiệm về hậu quả do L đã gây ra. Cả hai cùng rượt đuổi nhằm chém gây thương tích N, trong đó L là người trực tiếp chém gây thương tích N. Các bị cáo có cùng ý chí muốn tấn công bị hại để bênh vực nhau

là đồng phạm với nhau. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Khánh L , Trần Tấn P phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm”, “Có T chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Ph.

Đối với bị cáo L : Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ và cung cấp Giấy siêu âm thai ngày 25/4/2023 của chị Nguyễn Thị Trúc L (vợ bị cáo L) với tuổi thai là 12 tuần 05 ngày, các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo L có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần giảm thêm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo L , sửa Bản án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho bị cáo L .

Đối với bị cáo Ph : Xét mức hình phạt 01 năm tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp. Xét yêu cầu hưởng án treo, do bị cáo phạm vào tình tiết định khung “Có T chất côn đồ” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ph .

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Bị cáo Ph phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tấn Ph ; Chấp nhận

kháng cáo của bị cáo Trần Khánh L , sửa Bản án sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri , tỉnh Bến Tre đối với bị cáo L ;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Khánh L** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Tấn P** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Khánh L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Tấn P phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (6b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã A Đ, huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã B , huyện Ba Tri (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh